

GIẤY ĐỀ NGHỊ TRA SOÁT KHIẾU NẠI GIAO DỊCH THẺ 카드 거래 이의 신청서

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG/ 고객 정보

Họ và tên (Khách hàng Cá nhân) hoặc Tên Tổ chức (Khách hàng Tổ chức)

성명 (개인고객) 또는 기업명 (기업고객)

(Thông tin Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với khách hàng người nước ngoài/ 여권 정보는 외국인의 경우에만 적용)

***Đối với khách hàng Cá nhân/ 개인고객의 경우**

Số CC/CCCD/ Hộ chiếu:

신분증/ 여권번호:

Ngày hết hạn:

만료일

Số điện thoại:

휴대전화번호

Địa chỉ Email:

이메일 주소

Địa chỉ hiện tại/ 현재주거 주소:

***Đối với khách hàng Tổ chức/ 기업고객의 경우**

Số giấy phép ĐKKD/ĐKDN:

사업자등록증 번호

Mã số thuế:

세금번호

Số điện thoại:

휴대전화번호

Địa chỉ Email:

이메일 주소

Địa chỉ Tổ chức/기업 주소:

Người đại diện hợp pháp/ 법적 대표자*

* Trường hợp người đại diện hợp pháp là người đại diện theo ủy quyền, yêu cầu cung cấp giấy ủy quyền hợp pháp bởi người đại diện theo pháp luật./ 법적 대리인이 위임받은 대리인일 경우, 법적 대표자가 발행한 법률에 따른 위임장을 제출해야 합니다.

Họ và tên/ 성명:

Số CC/CCCD/Hộ chiếu:

신분증/ 여권번호

Ngày hết hạn:

만료일

II. THÔNG TIN THẺ/ 카드 정보

Loại thẻ/ 카드 종류:

☐

Thẻ Tín dụng quốc tế/ 국제 신용 카드

☐

Thẻ Ghi nợ quốc tế/ 국제 직불 카드

☐

Thẻ Ghi nợ nội địa/ 국내 직불 카드

☐

Khác/ 기타:

Tên trên thẻ/ 카드 표기 이름:

Số thẻ/ 카드 번호:

Hạn mức tín dụng (Nếu có):

신용한도

Hạn sử dụng đến/

만료일

III. THÔNG TIN YÊU CẦU/ 카드 거래 이의 신청 정보¹

1. Lý do đăng ký tra soát khiếu nại giao dịch thẻ¹ / 카드 거래 이의 신청 사유¹

☐

Giao dịch rút tiền mặt tại ATM không thành công nhưng tài khoản vẫn bị trừ tiền.

ATM에서 현금을 수령하지 못하였으나, 계좌에서 돈이 차감된 경우

☐

Không thực hiện và/hoặc không cho phép thực hiện (các) giao dịch thẻ nhưng tài khoản vẫn bị trừ tiền.

카드 거래를 하지 않았거나, 승인하지 않았지만 계좌에서 돈이 차감된 경우

☐

Không sử dụng được thẻ để thanh toán (các) giao dịch nhưng tài khoản vẫn bị trừ tiền. Ngoài ra tôi đã thực hiện thanh toán thành công bằng một trong những phương thức thay thế khác như dưới đây:

카드 결제에 실패하였으나, 계좌에서 돈이 차감된 경우 (아래와 같은 결제 수단을 통해 결제 완료함):

☐ Tiền mặt/ 현금

☐ Chuyển khoản thanh toán từ tài khoản khác/ 다른 계좌에서 송금하여 결제:

☐ Thanh toán bằng thẻ khác (Số thẻ)/ 다른 카드로 결제 (카드번호):

Yêu cầu nộp thêm chứng từ có liên quan để chứng minh việc thanh toán thành công bằng các phương thức khác (Hóa đơn thanh toán tiền mặt/Sao kê giao dịch) 다른 결제 수단을 사용하여 결제했음을 증명하기 위해 관련 증빙서류 제출 필요 (현금결제 영수증/ 거래 내역서 등).

☐

Tài khoản bị trừ tiền

동일한 거래에 대해 계좌에서

☐

lần cho cùng một giao dịch. (Ghi rõ số lần bị trừ tiền).

번 돈이 차감됨. (정확한 차감 횟수를 기재).

☐

Lý do khác/ 기타:

2. Danh sách giao dịch thẻ đăng ký tra soát khiếu nại² / 카드 거래 이의 신청 목록²:

STT 번호	Ngày giao dịch 거래일	Điểm giao dịch 가맹점명	Loại tiền tệ 통화	Số tiền giao dịch 거래금액	Số tiền khiếu nại 이의신청 금액
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					

¹Trên mỗi Giấy đề nghị tra soát khiếu nại giao dịch thẻ, Khách hàng chọn một (1) lý do và điền danh sách giao dịch thẻ đăng ký tra soát khiếu nại tương ứng. / 각 "카드 거래 이의 신청서" 에는 고객이 이의신청하는 1가지 사유와, 해당 사유에 따라 이의 신청을 원하는 카드 거래 목록을 작성해 주시기 바랍니다.

²Trường hợp nhiều hơn hai mươi (20) giao dịch, vui lòng điền vào mẫu phụ lục ("Danh sách giao dịch thẻ đăng ký tra soát khiếu nại") đính kèm Đơn này/ 거래가 (20)건 이상인 경우, 이 신청서에 첨부된 부록 양식 ('카드 거래 이의 신청 목록') 을 작성해 주시기 바랍니다.

IV. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG/ 고객 서약

Tôi/ Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai ở trên là chính xác và hoàn toàn đúng sự thật. Tôi/Chúng tôi chịu trách nhiệm về yêu cầu và đồng ý thanh toán tất cả chi phí liên quan, tuân theo các quy định, điều kiện & điều khoản về dịch vụ của Ngân hàng Woori. Giấy đề nghị tra soát khiếu nại giao dịch thẻ này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ đã ký ban đầu.

본인/우리는 위 기재된 정보가 정확하며 사실과 다름이 없음을 서약합니다. 본인/우리는 신청 내용에 대해 책임을 지며, 우리은행의 서비스 관련 규정 및 이용약관을 준수하고 모든 관련 비용을 지불할 것을 동의합니다. 이 카드 거래 이의 신청서는 최초에 체결된 카드 이용 및 발급 계약서의 일부입니다.

Khách hàng ký & ghi rõ họ tên/
서명 및 성명

_____, Ngày _____ / Tháng _____ / Năm _____
(일) (월) (년)

V. PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG/ 은행 직원 기재란

TIẾP NHẬN XỬ LÝ/ 실무직원	KIỂM TRA/ 검토직원	PHÊ DUYỆT/ 승인권자
Vui lòng ký & ghi rõ họ tên/ 서명 및 성명	Vui lòng ký & ghi rõ họ tên/ 서명 및 성명	Vui lòng ký & ghi rõ họ tên/ 서명 및 성명
_____, Ngày _____ / Tháng _____ / Năm _____ (일) (월) (년)	_____, Ngày _____ / Tháng _____ / Năm _____ (일) (월) (년)	_____, Ngày _____ / Tháng _____ / Năm _____ (일) (월) (년)

DANH SÁCH GIAO DỊCH CHUYỂN ĐỔI TRẢ GÓP 카드 거래 이의 신청 목록

STT 번호	Ngày giao dịch 거래일	Điểm giao dịch 가맹점명	Loại tiền tệ 통화	Số tiền giao dịch 거래금액	Số tiền khiếu nại 이의신청 금액
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
24					
25					
26					
28					
29					
30					
31					
32					
33					

Khách hàng ký & ghi rõ họ tên/
서명 및 성명

_____, Ngày _____ / Tháng _____ / Năm _____
(일) (월) (년)

STT 번호	Ngày giao dịch 거래일	Điểm giao dịch 가맹점명	Loại tiền tệ 통화	Số tiền giao dịch 거래금액	Số tiền khiếu nại 이의신청 금액
34					
35					
36					
37					
38					
39					
40					
41					
42					
43					
44					
45					
46					
47					
48					
49					
50					
51					
52					
53					
54					
55					
56					
57					
58					
59					
60					
61					
62					
63					
64					
65					
66					
67					
68					

Khách hàng ký & ghi rõ họ tên/
서명 및 성명

_____, Ngày _____ / Tháng _____ / Năm _____
(일) (월) (년)